

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 24/4/2025
V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hàn Nhựt Thái.
2. Bà Phạm Thị Kim Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Âm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 65/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2025. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1994 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số B ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Đặng Minh T, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số D ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 14/02/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày: Bà L và ông T do tự tìm hiểu quen biết nhau trước nên tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2022, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P thành phố Bến Tre vào năm 2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc khoảng thời gian đầu nhưng thời gian sau đó đến năm 2023 đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không còn phù hợp nhau, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T tính tình gia trưởng, hay chửi bới vợ con dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành và đã sống ly thân từ

tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung: thời gian sống chung, bà và ông T có với nhau 01 con chung là cháu Đặng Trần Linh N, sinh ngày 06/10/2022 hiện đang sống cùng bà L. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn ông Đặng Minh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị L; về con chung: sau khi ly hôn giao con chung là Đặng Trần Linh N, sinh ngày 06/10/2022 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: bà L khai không có nên không xem xét giải quyết; tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị L khởi kiện ông Đặng Minh T yêu cầu ly hôn và nuôi con nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đặng Minh T là bị đơn cư trú tại thành phố B, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đặng Minh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đủ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông T là phù hợp.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị L và ông Đặng Minh T trên cơ sở quen biết nhau trước nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P thành phố Bến Tre vào năm 2022. Xét thấy, hôn nhân của bà L và ông T đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà L và ông T có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc bà L xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà L cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng tính tình không còn phù hợp nhau, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T tính tình gia trưởng, hay chửi bới vợ con; bà và ông T đã ly thân nhau từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mời bà L và ông T đến Tòa án nhiều lần để tiến hành hòa giải hôn nhân của ông bà nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng với bà L. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: bà L và ông T là vợ chồng nhưng ông bà không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà ông bà lại bỏ mặc nhau, sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay nên ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là phù hợp.

[3.2] Về con chung: thời gian sống chung, bà L và ông T có với nhau 01 con chung là cháu Đặng Trần Linh N, sinh ngày 06/10/2022 hiện đang sống cùng bà L. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: cháu N đang sống chung với bà L. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T cũng không có văn bản trình bày ý kiến tranh chấp về nuôi con chung với bà L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển tốt về thể chất, sự phát triển tốt về tinh thần và bảo đảm việc học hành cho cháu N nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà L được trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của bà nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày là không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T cũng không có văn bản trình bày là ông và bà L có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu do bà L yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L đối với bị đơn ông Đặng Minh T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Đặng Minh T.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Đặng Trần Linh N, sinh ngày: 06/10/2022 cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận bà Trần Thị L không yêu cầu ông Đặng Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đặng Minh T được quyền đến thăm chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị L trình bày là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Trần Thị L phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007928 ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà Trần Thị L đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị L và ông Đặng Minh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- UBND xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

đã ký

Võ Thị Cẩm Trang